TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 187/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 968; địa chỉ: Tổ A, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn N, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ A, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn N tự nguyện chung sống từ trước năm 1988 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến ngày 20/4/2015, bà T và ông N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2015, quyển số 01/2014. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sinh con và phát triển kinh tế gia đình nhưng đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông N không quan tâm, chăm sóc gia đình, đôi lúc có hành vi bạo hành đối với bà T. Mâu

thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên năm 2013, bà T đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên nhưng sau đó bà T đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn, cùng chăm lo cho con. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2014/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2014. Tuy nhiên, sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà T và ông N đã sống ly thân từ năm 2014. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà T và ông N có hai con chung tên Phạm Minh T, sinh năm 1988 và Phạm Thị Hồng L, sinh ngày 10/9/1990. Hiện nay các con đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt, niêm yết đầy đủ văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn N theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông N không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo biên bản xác minh ngày 10/02/2020, tại Công an phường Khánh Bình cho biết: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1968 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương

Theo biên bản xác minh ngày 10/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn N không yêu cầu ban điều hành khu phố L cũng như không yêu cầu Ủy ban nhân dân phường K hòa giải mâu thuẫn nên Ủy ban nhân dân phường K không biết tình trạng hôn nhân, con chung giữa bà T và ông N như thế nào.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn N tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định vợ chồng không còn sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do vậy, bà T yêu cầu ly hôn ông N là có căn cứ. Về con chung: Các con của bà T và ông N đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông N không đến Tòa làm việc, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Bị đơn ông Phạm Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2015, quyển số 01/2014 là hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn, bà T đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, ông N không đến Tòa án cho thấy ông N không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà T kiên quyết ly hôn. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các con chung của bà T và ông N đều đã thành niên và có gia đình riêng, bà T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn ông Phạm Văn N về việc "Ly hôn":

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn N.

2. Về con chung: Con chung tên Phạm Minh T, sinh năm 1988 và Phạm Thị Hồng L, sinh 1990 đều đã thành niên, bà Trần Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037496 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND P. K, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Nga